



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **714**/UBND-KGVX

Quảng Ngãi, ngày **12** tháng 02 năm 2025

V/v đề xuất nhiệm vụ và kinh
phí Chương trình mục tiêu
quốc gia về phát triển văn hóa
giai đoạn 2025-2030

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Theo đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 331/BVHTTDL-KHTC ngày 23/01/2025 về việc đề xuất nhiệm vụ và kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2030; trên cơ sở tổng hợp, đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 283/SVHTTDL-QLVH ngày 10/02/2025, UBND tỉnh Quảng Ngãi đề xuất nhiệm vụ, kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Có phụ lục nhiệm vụ, kinh phí kèm theo).

Kính đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, tổng hợp./.

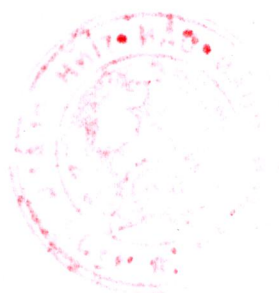
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hoàng Tuấn



DANH MỤC NHIỆM VỤ, KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN VĂN HÓA GIAI ĐOẠN 2025-2030 TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG NGÃI

(Ban hành kèm theo Công văn số 14/UBND-KGVX ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Tổng kinh phí	NS Trung ương			NS địa phương			Nguồn vốn khác (xã hội hóa, tài trợ, viện)	Ghi chú
			Tổng NS TW	Vốn Đầu tư	Vốn SN	Tổng NS DP	Vốn Đầu tư	Vốn SN		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	TỔNG CỘNG	1.569,0	1.569,0	1.114,0	420,0					
1,0	Phát triển con người Việt Nam có nhân cách, lối sống tốt đẹp	33,5	33,5		33,5					
	1.1. Xây dựng hệ giá trị đạo đức, chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới	10,0	10,0		10,0					
	1.1.1. Xây dựng và triển khai hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam, bộ quy tắc ứng xử trong gia đình.	2,0	2,0		2,0					
	1.1.2. Xây dựng, hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện văn hóa công vụ, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; bộ quy tắc ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức khi đến làm việc tại cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.	1,0	1,0		1,0					

[illegible]

	1.2.5. Phát triển văn hóa con người Việt Nam về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên , bảo vệ môi trường thông qua công tác tuyên truyền , giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu , sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.									
	1.3. Phát triển thể lực, tâm vóc và kỹ năng sống cho con người Việt Nam	14.0	14.0		14.0					
	1.3.1. Triển khai phong trào thể dục , thể thao cho mọi người, góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện , đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Hình thành các khu trung tâm thể dục thể thao của xã, phường, thị trấn, gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa tại cơ sở, trường học; các điểm tập thể thao với trang, thiết bị tập luyện đơn giản tại các khu đô thị, khu dân cư, làng, bản, thôn, ấp, nhà máy, xí nghiệp...	10.0	10.0		10.0					
	1.3.2. Hỗ trợ hướng dẫn tập luyện, tổ chức các hoạt động thể thao phong trào phục vụ cộng đồng, với lực lượng công tác viên thể thao ở cơ sở làm nòng cốt.	2.0	2.0		2.0					
	1.3.3. Phổ biến, hướng dẫn thực hành các kỹ năng sống, kỹ năng ứng phó với thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa môi trường, dịch bệnh cho các tầng lớp nhân dân , đặc biệt là thế hệ trẻ, đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương.									
	1.3.4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật , giáo dục đạo đức , lý tưởng cách mạng và văn hóa truyền thống của dân tộc ; phòng chống bạo lực học đường; phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông góp phần xây dựng văn hóa ứng xử cho trẻ em, học sinh, sinh viên, học viên trong và ngoài trường học.	2.0	2.0		2.0					
	1.4. Phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới	6.0	6.0		6.0					
	1.4.1. Hoàn thiện, phát triển, triển khai hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới; bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; bộ chỉ số về gia đình hạnh phúc.	2.0	2.0		2.0					

	1.4.2. Xây dựng các mô hình về truyền thông, giáo dục xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cơ sở; mô hình can thiệp, phòng ngừa và ứng phó bạo lực gia đình. Tuyên truyền giáo dục chuyển đổi hành vi cho người có hành vi bạo lực gia đình. Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng về hôn nhân gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc cho thanh niên trước khi kết hôn, trợ giúp tâm lý và quản trị gia đình. Phát triển Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.	2.0	2.0	2.0	2.0						
	1.4.3. Phổ biến thông tin , kiến thức về văn hóa ứng xử , kỹ năng giáo dục đạo đức, lối sống, tình yêu thương, bình đẳng giới, truyền thống dân tộc và các giá trị văn hóa tốt đẹp ; phòng ngừa rủi ro, tệ nạn xã hội, bạo lực trong gia đình cho các hộ gia đình.	2.0	2.0	2.0	2.0						
	1.4.4. Nâng cao năng lực thực hiện, tiếp cận, sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình, chú ý đến phụ nữ, đối tượng yếu thế.										
2.0	Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh , văn minh; phát triển hệ thống hạ tầng, cảnh quan, thiết chế văn hóa đồng bộ, hiệu quả	145.5	145.5	44.0	76.5						
	2.1. Phát triển hệ thống hạ tầng, thiết chế văn hóa, nghệ thuật chất lượng cao, hướng đến đẳng cấp quốc tế	15.0	15.0		15.0						
	2.1.1. Xây dựng tổ hợp nhà hát nghệ thuật quốc gia Việt Nam tiêu chuẩn quốc tế, nhà hát nghệ thuật tiêu biểu tại các đô thị lớn, trở thành thương hiệu quốc gia; phát triển, nâng cấp hệ thống các nhà hát mang tính biểu tượng, nổi bật giá trị văn hóa truyền thống vật thể, phi vật thể tiêu biểu.										
	2.1.2. Đầu tư xây dựng, nâng cấp, trang bị kỹ thuật, thiết bị hiện đại cho hệ thống không gian triển lãm nghệ thuật ở Trung ương và địa phương.	10.0	10.0		10.0						
	2.1.3. Mở rộng hệ thống Trung tâm chiếu phim quốc gia hiện đại tại các đô thị lớn và phát triển, nâng cấp hệ thống rạp chiếu phim tại các địa phương.										
	2.1.4. Hỗ trợ phát triển công đồng khán giả, công chúng thường xuyên tại các thiết chế văn hoá, nghệ thuật công lập.	5.0	5.0		5.0						
	2.1.5. Nâng cao năng lực vận hành, khai thác, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, nghệ thuật công lập; hỗ trợ đa dạng hóa sản phẩm, hoạt động, tăng nguồn thu cho các thiết chế từ tài trợ, bảo trợ văn hóa, nghệ thuật.										
	2.2. Nâng cao năng lực vận hành , hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở	60.0	60.0	20.0	40.0						

2.2.1. Nâng cao năng lực vận hành , khai thác, hỗ trợ trang thiết bị hoạt động cho các Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh , Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã , Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn (và tương đương); xây mới hoặc sửa chữa , nâng cấp thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở các cấp còn thiếu.	40.0	40.0		40.0						
2.2.2. Xây dựng cơ chế hợp tác , chia sẻ tài nguyên giữa các thiết chế văn hóa . Tăng cường vai trò của cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội, tôn giáo, tín ngưỡng ... trong việc xây dựng , vận hành hiệu quả các thiết chế văn hóa và tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật cơ sở.										
2.2.3. Phát triển, đầu tư, vận hành hiệu quả mạng lưới điểm vui chơi, giải trí tại cơ sở và hỗ trợ trang thiết bị hoạt động dành cho trẻ em , đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, huyện đảo.	20.0	20.0	20.0							
2.2.4. Xây dựng các thiết chế văn hóa để đảm bảo an sinh xã hội phục vụ người lao động của các khu kinh tế , khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung, phù hợp đặc trưng văn hóa địa phương , đồng bộ với hạ tầng nhà ở xã hội , công trình y tế, giáo dục.										
2.3. <i>Thúc đẩy vai trò của trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực văn hóa cơ sở, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, tuân thủ pháp luật</i>	6.0	6.0		6.0						
2.3.1. Tập huấn, truyền đạt kiến thức trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực văn hóa cho đội ngũ cán bộ cấp thôn (trưởng thôn, trưởng ban, trưởng ấp, già làng...), tổ chức chi hội đoàn thể, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan, nhất là tại các khu vực miền núi.	2.0	2.0		2.0						
2.3.2. Nâng cao năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý về văn hóa, cải thiện sinh kế cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thông tin, truyền thông, chính sách pháp luật trợ giúp pháp lý về văn hóa, xây dựng, phát hành phòng sự, tiêu phẩm, chương trình, bài viết và các hoạt động truyền thông khác về trợ giúp pháp lý điển hình, thành công về văn hóa.	2.0	2.0		2.0						

	2.3.3. Tập huấn về các kỹ năng phối hợp, giới thiệu thông tin, vụ việc trợ giúp pháp lý về văn hóa cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý như đồn biên phòng, cảnh sát biển, cơ quan tiến hành tố tụng, người làm công tác liên quan đến văn hóa, công chức Phòng Tư pháp, cán bộ cấp xã[1].	2.0	2.0						2.0					
	2.4. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, phát huy giá trị văn hóa truyền thống	8.5	8.5						8.5					
	2.4.1. Xây dựng và khai thác các mô hình văn hoá cơ sở phù hợp với điều kiện từng vùng, miền, phong tục, tập quán của địa phương: mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hoá đặc thù, bảo tồn giá trị văn hoá phi vật thể; mô hình di sản văn hóa gắn với các hành trình du lịch di sản văn hóa phát triển cộng đồng.	2.0	2.0						2.0					
	2.4.2. Tổ chức truyền dạy văn hoá phi vật thể (dân ca, dân vũ, nghề thủ công truyền thống,...), bồi dưỡng người kế cận trong nhóm cộng đồng , hỗ trợ hoạt động các câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian , văn nghệ truyền thống tại cơ sở; hỗ trợ nghệ nhân nhân dân , nghệ nhân ưu tú tại địa phương trong việc phổ biến đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận.	2.5	2.5						2.5					
	2.4.3. Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống , văn hóa, văn nghệ dân gian. Bảo tồn, phục dựng, tổ chức lễ hội truyền thống , ngày hội, giao lưu, liên hoan, về các loại hình văn hóa , nghệ thuật, hoạt động thi đấu thể thao truyền thống của địa phương, hướng tới khai thác , xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch.	3.0	3.0						3.0					
	2.4.4. Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền rộng rãi các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiêu biểu của các vùng , miền; nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng ; những tấm gương tiêu biểu trong xã hội ; nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát huy lễ hội, nghề thủ công truyền thống.	1.0	1.0						1.0					

2.4.5. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam (Làng): Tăng cường hoạt động truyền dạy, hướng thụ văn hoá, thể thao, văn hoá đọc của cộng đồng các dân tộc tại Làng ; nâng cao cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị, chất lượng tổ chức các hoạt động giới thiệu văn hoá truyền thống; khôi phục, bảo tồn, tổ chức các lễ hội, trình diễn di sản văn hoá, không gian chợ phiên vùng cao...									
2.5. Hỗ trợ phát triển văn hóa đọc gắn với các thiết chế thư viện	17.0	17.0	10.0	7.0					
2.5.1. Nâng cao năng lực vận hành hiệu quả, phát triển văn hóa đọc, đẩy mạnh kết nối, trao đổi thông tin, tài liệu của hệ thống thư viện công lập; đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thư viện công lập đảm bảo tiêu chí theo quy định của pháp luật.	10.0	10.0	10.0						
2.5.2. Xây dựng mô hình không gian đa phương tiện và trải nghiệm với sách tại Thư viện Quốc gia Việt Nam và nhân rộng trong các thư viện công cộng cấp tỉnh, phát triển các mô hình, chương trình khuyến đọc.	2.0	2.0		2.0					
2.5.3. Xây dựng và phát triển mô hình thư viện lưu động đa phương tiện phục vụ phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng; hỗ trợ phát triển tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện, kho tài liệu luân chuyển của cấp tỉnh; hỗ trợ xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện và các trang thiết bị chuyên dùng.	3.0	3.0		3.0					
2.5.4. Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm thư viện cộng đồng tại những địa phương chưa có thư viện công cộng cấp xã.	2.0	2.0		2.0					
2.6. Phát triển hệ thống không gian văn hóa công cộng nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo, giáo dục thẩm mỹ của người dân, đặc biệt là giới trẻ	10.0	10.0	10.0						
2.6.1. Đầu tư mới, cải tạo các tác phẩm mỹ thuật công cộng (điều khắc, sắp đặt, tranh) tại các không gian công cộng (vườn hoa, công viên, quảng trường, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, sân vận động,...) và các công trình mỹ thuật biểu tượng văn hóa quốc gia Việt Nam.	10.0	10.0	10.0						

[illegible]

	3.1.4. Phát huy hiệu quả vai trò của hệ thống báo chí , truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở trong việc nâng cao nhận thức về hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, hệ giá trị con người Việt Nam.	2.0	2.0		2.0					
	3.1.5. Truyền truyền về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước, tấm gương điển hình của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, điển hình trong bảo tồn, phát huy, quảng bá văn hóa dân tộc Việt Nam; những giá trị tích cực của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội; đấu tranh với các hình thức lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín, trục lợi, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đời sống nhân dân.	2.0	2.0		2.0					
	3.1.6. Tập trung xây dựng và phát triển các kênh thông tin , truyền thông mới về văn hóa, nghệ thuật trên nền tảng số . Tiếp tục triển khai các phương thức truyền truyền cổ động trực quan (pano, băng rôn...) tại các địa phương phù hợp . Sản xuất các chương trình, phim tài liệu giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc.	3.0	3.0		3.0					
	3.1.7. Tổ chức xuất bản các ấn phẩm về tri thức, văn hóa; thực hiện các hoạt động truyền thông, quảng bá phát triển văn hóa đọc nhằm góp phần bồi dưỡng, nâng cao tri thức của nhân dân, gắn kết chặt chẽ với hoạt động học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.	3.0	3.0		3.0					
	3.1.8. Xây dựng nội dung sản phẩm truyền thông phục vụ quảng bá hình ảnh quốc gia ra thế giới; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền thông bằng tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài.	1.0	1.0		1.0					
	3.1.9. Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa.									
	3.1.10. Tăng cường năng lực về kiến thức, kỹ năng xử lý thông tin khi thực hiện công tác truyền thông cho đối tượng làm công tác truyền thông về các vấn đề văn hóa, xã hội; phóng viên, biên tập viên báo chí ; cán bộ làm công tác quản lý thông tin cơ sở.	1.0	1.0		1.0					
	3.2. Đối mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghệ thuật, di sản văn hóa	64.0	64.0	0.0	64.0					
	3.2.1. Giới thiệu các nội dung về văn hóa, nghệ thuật dân gian , các loại hình nghệ thuật đặc sắc tiêu biểu trong các môn học và hoạt động giáo dục, triển khai hiệu quả các hoạt động giáo dục nghệ thuật trong các chương trình thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	5.0	5.0		5.0					

	3.2.2. Triển khai các hoạt động giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho thanh, thiếu niên Việt Nam ngoài nhà trường, tập trung tại các thiết chế văn hóa cơ sở, thiết chế văn hóa, nghệ thuật.	2.0	2.0						2.0					
	3.2.3. Triển khai các chương trình giáo dục di sản văn hóa tại các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tàng, chú trọng kết hợp với hệ thống cơ sở giáo dục các cấp.	5.0	5.0						5.0					
	3.2.4. Nâng cao năng lực kết hợp hiệu quả giáo dục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống của dân tộc, văn hóa vùng miền của mỗi địa phương vào các hoạt động giáo dục, môn học trong chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên như nội dung giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, nghệ văn, lịch sử, địa lý,...	2.0	2.0						2.0					
	3.2.5. Trang bị hệ thống phòng học bộ môn cho các môn học : âm nhạc, mỹ thuật, nghệ thuật, phòng tổ chức các hoạt động trải nghiệm văn hóa, giáo dục địa phương với đầy đủ các thiết bị.	50.0	50.0						50.0					
	3.3. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở, đặc biệt là các địa bàn vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số	12.0	12.0	0.0					12.0					
	3.3.1. Hỗ trợ trang thiết bị, sản phẩm văn hóa và tổ chức Liên hoan Hội tuyên truyền văn hóa tuyên truyền biên giới, hải đảo cho các đồn biên phòng và Hội tuyên truyền văn hóa bộ đội biên phòng.	2.0	2.0						2.0					
	3.3.2. Hỗ trợ ô tô chuyên dụng và trang thiết bị hoạt động cho Hội Tuyên truyền lưu động của Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh và Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.	8.0	8.0						8.0					
	3.3.3. Hỗ trợ trang thiết bị chiếu phim kỹ thuật số phù hợp cho đội chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, huyện đảo; hỗ trợ cơ sở hạ tầng thực hiện phổ biến trực tuyến các phim thuộc sở hữu của Nhà nước.	2.0	2.0						2.0					
4.0	Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc	1,209.0	1,209.0	1,070.0					139.0					

4.1. Bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	681.0	681.0	570.0	111.0						
4.1.1. Tổng kiểm kê quốc gia về di sản văn hóa vật thể.	4.0	4.0		4.0						
4.1.2. Xác định giá trị, nghiên cứu lập hồ sơ khoa học các di tích quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của Việt Nam đề nghị UNESCO ghi danh.	20.0	20.0		20.0						
4.1.3. Hoàn thành việc lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt (theo danh mục di tích quốc gia đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ), di sản được UNESCO ghi danh và một số cụm di tích quốc gia.	5.0	5.0		5.0						
4.1.4. Đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, khảo cổ được UNESCO ghi danh, cấp quốc gia đặc biệt và quốc gia.	500.0	500.0	500.0							
4.1.5. Hỗ trợ chống xuống cấp các di tích di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, khảo cổ cấp quốc gia; di tích tại các xã, vùng An toàn khu (ATK) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là xã, vùng An toàn khu (ATK) có giá trị đang bị xuống cấp nghiêm trọng.	50.0	50.0		50.0						
4.1.6. Đầu tư trùng tu một số di tích điểm vùng đất cổ, di sản văn hóa, thiên nhiên thế giới và di tích quốc gia đặc biệt, tạo động lực đột phá phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Thí điểm mô hình đô thị di sản tại một số đô thị phù hợp.	50.0	50.0	50.0							
4.1.7. Lựa chọn, đầu tư tu bổ một số di tích kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu ở các loại hình kiến trúc gỗ, gạch đá để xây dựng quy trình kỹ thuật tối ưu làm hình mẫu cho việc triển khai công tác tu bổ di tích kiến trúc nghệ thuật ở Việt Nam.	20.0	20.0	20.0							
4.1.8. Nâng cao năng lực của các công đồng - chủ nhân sáng tạo và công đồng - chủ nhân sở hữu của các di sản văn hóa trong việc bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể kết hợp với khai thác các giá trị di sản văn hóa phi vật thể.	2.0	2.0		2.0						

[illegible]

4.3.5. Triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án, đề án bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu Việt Nam; sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị của tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa khoa học; tài liệu địa chí, tác phẩm văn hóa, nghệ thuật dân gian.	2.0	2.0		2.0					
4.3.6. Hỗ trợ tìm kiếm, sưu tầm, đưa di vật, cổ vật, tài sản văn hoá - nghệ thuật, có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước.	1.0	1.0		1.0					
4.4. Nâng cao năng lực và vận hành hiệu quả của hệ thống bảo tàng	505.0	505.0		500.0	5.0				
4.4.1. Đầu tư xây dựng, nâng cấp các bảo tàng chuyên ngành cấp quốc gia, cấp tỉnh, bảo tàng đặc thù của địa phương. Hỗ trợ, phát triển hệ thống bảo tàng ngoài công lập đáp ứng yêu cầu, định hướng chính trị của Đảng và Nhà nước. Cải tạo, nâng cấp hệ thống trưng bày và kho bảo quản hiện vật của bảo tàng các cấp bị xuống cấp, không bảo đảm yêu cầu để hoạt động.	500.0	500.0		500.0					
4.4.2. Nâng cao chất lượng hoạt động, khai thác, phát huy hiệu quả hệ thống bảo tàng; ưu tiên ứng dụng các phương pháp, công cụ hiện đại, đa dạng hoá nội dung, hình thức trưng bày bảo tàng quốc gia, bảo tàng cấp tỉnh để thu hút khách tham quan, nghiên cứu, học tập.	5.0	5.0		5.0					
4.5. Tăng cường trợ giúp pháp lý về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa	3.0	3.0		3.0	3.0				
4.5.1. Nâng cao hiểu biết của người dân trong việc sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý để thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp trong việc bảo tồn, bảo quản, sưu tập các di vật, cổ vật, di sản văn hóa.	1.0	1.0		1.0		1.0			
4.5.2. Tăng cường năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý về bảo vệ thực hiện và phát huy giá trị di sản văn hoá, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người có di sản văn hoá bị ngăn cản, chiếm đoạt, xâm phạm quyền sử dụng, quyền khai thác, quyền sở hữu, phát huy giá trị của di sản văn hoá; trao đổi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức trợ giúp pháp lý về bảo vệ, thực hiện, thụ hưởng và phát huy giá trị di vật, cổ vật, di sản văn hóa cho người thực hiện, hỗ trợ hoạt động trợ giúp pháp lý.	1.0	1.0		1.0		1.0			
4.5.3. Phòng, chống và xử lý hoạt động xâm hại di tích, hoạt động trộm cắp, mua bán trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; bảo vệ tuyệt đối an toàn đối với các bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.	1.0	1.0		1.0		1.0			

5.0	Thúc đẩy phát triển văn học, nghệ thuật	27.0	27.0							
	5.1. Hỗ trợ phát triển hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật	5.0	5.0					27.0		
	5.1.1. Hỗ trợ văn nghệ sĩ trong hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật theo các chương trình trại sáng tác, lưu trú nghệ thuật; hỗ trợ tạo nguồn kịch bản nghệ thuật, sản xuất, lưu hành tác phẩm.	2.0	2.0					2.0		
	5.1.2. Xây dựng hệ sinh thái phát triển nghệ thuật với các tổ chức giảng dạy, không gian nghệ thuật, nhà ở nghệ thuật và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân bằng các khoản trợ cấp, học bổng nghệ thuật; hỗ trợ học sinh, sinh viên các ngành văn hóa, nghệ thuật trong quá trình thực hiện các bài thi tốt nghiệp trên sân khấu và sáng tác nghệ thuật, văn học.	1.0	1.0					1.0		
	5.1.3. Tổ chức định kỳ các cuộc thi, trại sáng tác văn học, nghệ thuật và chương trình nghệ thuật quốc tế ở Việt Nam nhằm tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu và văn nghệ sĩ giao lưu, học hỏi kinh nghiệm của thế giới.	2.0	2.0					2.0		
	5.2. Phát triển hoạt động lý luận, phê bình, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật	1.0	1.0					1.0		
	5.2.1. Hỗ trợ các hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật.	1.0	1.0					1.0		
	5.2.2. Hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản, tổng kết lý luận, thực tiễn, dự báo xu thế phát triển văn hóa, phục vụ nhiệm vụ hoạch định, tư vấn đường lối, chính sách, chiến lược phát triển ngành.									
	5.3. Hỗ trợ cơ sở vật chất hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển văn học, nghệ thuật									
	5.3.1. Đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật của các đoàn nghệ thuật công lập.									
	5.3.2. Hỗ trợ hình thành các trung tâm hỗ trợ, phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại.									
	5.3.3. Đầu tư trang thiết bị, phương tiện, cơ sở vật chất hiện đại đạt tiêu chuẩn phục vụ thẩm định, giám định tác phẩm nghệ thuật.									
	5.4. Đầu tư có trọng điểm các công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao của Việt Nam	5.0	5.0					5.0		

5.4.1. Đầu tư đặt hàng sáng tác, sưu tầm, trình diễn các tác phẩm nghệ thuật biểu diễn, văn học, mỹ thuật, nhiếp ảnh đỉnh cao và đương đại gồm: tác phẩm mang giá trị tư tưởng, văn hóa tiêu biểu của Việt Nam và thế giới; tác phẩm thể nghiệm kết hợp giữa nghệ thuật truyền thống và hiện đại; tác phẩm về đề tài lịch sử dân tộc, đấu tranh cách mạng và công cuộc đổi mới của đất nước.	3.0	3.0	3.0						
5.4.2. Đầu tư kịch bản, sản xuất các tác phẩm phim ảnh có chất lượng nghệ thuật cao, mang tính nhân văn, hướng thiện và giàu bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phục vụ chính trị và đời sống tinh thần của người dân, gồm: phim truyện, phim tài liệu, khoa học, phim hoạt hình.	2.0	2.0	2.0						
5.4.3. Hình thành, nâng cao giá trị, chất lượng, uy tín các giải thưởng quốc gia về văn hóa, văn học, nghệ thuật.									
5.5. Hỗ trợ quảng bá, phổ biến tác phẩm, thành tựu văn học nghệ thuật có chất lượng cao đến đông đảo nhân dân	16.0	16.0	16.0						
5.5.1. Xây dựng Chương trình sáng tác, nghiên cứu, tạo lập cơ sở dữ liệu và công bố các tác phẩm về văn học, nghệ thuật Việt Nam vì sự nghiệp Cách mạng, tiến tới kỷ niệm 90 năm thành lập Nước, kỷ niệm 100 ngày thành lập Đảng trên cơ sở tổng kết sự nghiệp sáng tác, nghiên cứu văn học, nghệ thuật trong 100 năm (1930-2030) dưới sự lãnh đạo của Đảng.	5.0	5.0	5.0						
5.5.2. Công bố, quảng bá, phổ biến các tác phẩm văn học, nghệ thuật, điện ảnh, tác phẩm lý luận phê bình văn học nghệ thuật xuất sắc, chất lượng cao đã được giải thưởng hoặc công nhận trong nước và quốc tế cho nhân dân được tiếp cận, hưởng thụ; phổ biến văn hóa, văn học, nghệ thuật thông qua các sản phẩm vui chơi, giải trí trên nền tảng công nghệ số.	3.0	3.0	3.0						
5.5.3. Xây dựng Chương trình dịch thuật quốc gia về lý luận văn hóa, văn học, nghệ thuật, làm căn cứ cho việc tiếp thu, vận dụng và phát triển lý luận văn hóa, văn học, nghệ thuật của Việt Nam.									
5.5.4. Tổ chức các sự kiện quốc gia, quốc tế có quy mô lớn trong lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và các loại hình nghệ thuật thị giác đương đại; tạo điều kiện kết nối, giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và các nước trong khu vực, quốc tế.	3.0	3.0	3.0						

[illegible]

[illegible]

[illegible]

7.1.3. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu nhân lực ngành văn hóa.	1.0	1.0		1.0						
7.1.4. Phát triển hệ thống quản lý các thư viện Việt Nam.	2.0	2.0		2.0						
7.2. Số hóa dữ liệu, xây dựng, bảo vệ cơ sở dữ liệu văn hóa quốc gia trên môi trường số	11.0	11.0		11.0						
7.2.1. Xây dựng và khai thác dữ liệu số quốc gia về các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật (nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, điện ảnh, văn hóa dân gian, văn hóa truyền thống, văn học...) và lĩnh vực gia đình.	2.0	2.0		2.0						
7.2.2. Đầu tư hạ tầng công nghệ chuyên dụng, xây dựng thư viện số cho Thư viện Quốc gia Việt Nam và thư viện công cộng cấp tỉnh, thực hiện tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu số giữa các thư viện. Phát triển cơ sở dữ liệu số tại Thư viện Quốc gia Việt Nam hướng tới trở thành trung tâm bảo quản số, dữ liệu số tập trung, kết nối với các trung tâm thư viện, lưu trữ lớn trên thế giới.										
7.2.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hoá. Triển khai số hóa, xây dựng bản đồ số hệ thống di tích và dữ liệu về di tích (di sản văn hoá thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia), số hóa hiện vật quý hiếm, cổ vật, bảo vật quốc gia; số hóa các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu phục vụ công tác lưu giữ, bảo quản, tu bổ, phục hồi, nghiên cứu, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo vệ và phát huy giá trị.	2.0	2.0		2.0						
7.2.4. Hỗ trợ trang thiết bị chuyên đổi số, xây dựng nền tảng bảo tàng số, cơ sở dữ liệu cho các bảo tàng công lập quốc gia.										
7.2.5. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác bảo tồn và trùng tu các di tích; triển khai thí điểm việc trùng tu các loại hình di tích kiến trúc gỗ, gạch áp dụng các cấp độ tu bổ, bảo quản, gia cố. Xây dựng kho dữ liệu gốc về các công trình di tích phục vụ công tác nghiên cứu, tu bổ, tôn tạo làm cơ sở đối chiếu giữa di tích ban đầu và di tích đã được trùng tu.	2.0	2.0		2.0						
7.2.6. Triển khai các ứng dụng công nghệ số, nền tảng số hỗ trợ nâng cao trải nghiệm của khách tham quan tại các di tích, bảo tàng, điểm du lịch và tăng cường việc tiếp cận di sản tư liệu được dễ dàng, thuận tiện.	5.0	5.0		5.0						
7.3. Ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, nghiên cứu cơ bản để phát triển văn hóa và thúc đẩy thị trường văn hóa trên môi trường số	2.0	2.0		2.0						

[illegible]

[illegible]

[illegible]

	8.5.3. Tập trung nguồn lực, hỗ trợ, thu hút, trọng dụng, tuyên dụng nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, văn nghệ sĩ tài năng, nghệ nhân các ngành, nghệ truyền thống tham gia công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.									
	8.5.4. Tổ chức đào tạo , bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn , nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy , kiểm tra đánh giá , nghiên cứu khoa học và năng lực ngoại ngữ cho cán bộ quản lý giáo dục , giảng viên, giáo viên, nghiên cứu viên trong lĩnh vực văn hóa , văn học, nghệ thuật thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở trong và ngoài nước.									
	8.5.5. Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo thông qua mời chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên và nghệ sĩ tài năng ở nước ngoài tham gia giảng dạy, trao đổi, hướng dẫn chuyên môn tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.									
	8.5.6. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, phát triển đội ngũ giáo viên dạy các môn học âm nhạc, mỹ thuật, nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục phổ thông , bao gồm: đào tạo giáo viên mới; đào tạo lại đội ngũ giáo viên đảm bảo đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông ; tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, giáo viên hiện có.									
9.0	Hội nhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới	16.0	16.0		16.0					
	9.1. Phát huy vai trò của trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài									
	9.1.1. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, nghiên cứu đầu tư xây dựng các trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài gắn với công tác văn hóa đối ngoại và công tác cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.									
	9.2. Quảng bá văn hóa Việt Nam tại nước ngoài thông qua các hình thức đa dạng	6.0	6.0		6.0					

9.2.1. Quảng bá văn hóa, thương hiệu Việt Nam tại các sự kiện quốc tế lớn tại nước ngoài như các triển lãm, trưng bày quốc tế (EXPO, Venice Biennale, London Design Biennale...), các không gian văn hóa, điện ảnh Việt Nam tại các Liên hoan phim Cannes, Berlin, Tokyo, Busan..., giới thiệu sách, văn học Việt Nam tại các sự kiện văn học, hội chợ sách quốc tế, không gian quảng bá Việt Nam tại các hội nghị, sự kiện quốc tế lớn (Hội nghị các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu - COP), hỗ trợ nghệ sỹ Việt Nam tham dự các sự kiện tại nước ngoài.	3.0	3.0					3.0						
9.2.2. Chủ động tham gia tích cực các sáng kiến, sự kiện xây dựng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (Thành phố văn hóa ASEAN, Tinh hoa nghệ thuật trình diễn ASEAN, Hệ thống dữ liệu số về di sản văn hóa ASEAN, Trung tâm/Nhà văn hóa ASEAN tại các nước thành viên và các nước đối tác, các chương trình trao đổi văn hóa, tăng cường năng lực, phát triển kinh tế sáng tạo giữa ASEAN).													
9.2.3. Tổ chức dịch, giới thiệu, xuất bản tác phẩm văn học, văn hóa, lịch sử Việt Nam có giá trị tư tưởng nghệ thuật, giá trị khoa học cao và các chuyên san, ấn phẩm giới thiệu văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.													
9.2.4. Sản xuất, phổ biến các nội dung sáng tạo nhằm quảng bá văn hóa Việt Nam trên nền tảng mạng xã hội, kênh truyền hình quốc tế, trên các bảng điện tử công cộng, sân bay trong nước và quốc tế ... Hỗ trợ quảng bá thông qua các đoàn phóng viên, báo chí, các đoàn làm phim quốc tế vào Việt Nam.													
9.2.5. Hỗ trợ các hoạt động quảng bá hình ảnh con người, văn hóa, thể mạnh của các địa phương với bạn bè quốc tế; xúc tiến, xuất khẩu các sản phẩm, dịch vụ văn hoá và sáng tạo Việt Nam ra nước ngoài.	3.0	3.0					3.0						
9.2.6. Đầu tư sản xuất phim quảng bá bản sắc văn hóa Việt Nam tại nước ngoài.													
9.3. Tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam, hỗ trợ sáng tạo nghệ thuật thông qua giao lưu văn hóa	10.0	10.0					10.0						
9.3.1. Đăng cai, tổ chức các sự kiện quốc tế có quy mô, uy tín, phát triển các thương hiệu festival, lễ hội, cuộc thi, sự kiện văn hóa, nghệ thuật chất lượng, giải thưởng âm nhạc... tại Việt Nam nhằm chủ động tiếp thu, giới thiệu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, ưu tiên gắn với hệ thống các thành phố sáng tạo của Việt Nam.	10.0	10.0					10.0						

	9.3.2. Phát triển các thương hiệu festival, lễ hội, cuộc thi, sự kiện văn hóa, nghệ thuật chất lượng, quy mô quốc tế tại Việt Nam như Liên hoan sáng tạo Việt Nam, Tuần lễ Thiết kế Việt Nam.									
	9.3.3. Xây dựng các chương trình lưu trú nghệ thuật , trại sáng tác nghệ thuật , chương trình trao đổi nghệ thuật quốc tế tại Việt Nam dành cho các nghệ sĩ nước ngoài và Việt Nam và hỗ trợ nghệ sĩ Việt Nam tham gia các chương trình lưu trú nghệ thuật tại nước ngoài.									
	9.3.4. Triển khai các biện pháp thu hút các chuyên gia về văn hóa , nghệ thuật ở nước ngoài về Việt Nam làm việc và chia sẻ kinh nghiệm phát triển văn hóa , nghệ thuật.									
	9.4. Phát triển văn hóa trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài									
	9.4.1. Tổ chức các chương trình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hoặc lồng ghép vào các sự kiện ngoài giao, đối ngoại khác.									
	9.4.2. Thực hiện các chương trình phát huy các giá trị truyền thống Việt Nam tại các gia đình đa văn hóa, các chương trình dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài.									
	9.4.3. Xây dựng, phát triển các trung tâm, các mạng lưới Việt Nam học, cung cấp các dịch vụ về lịch sử, văn hóa, đất nước, con người Việt Nam cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế có quan tâm tìm hiểu về Việt Nam.									
	9.4.4. Hỗ trợ các cộng đồng người Việt Nam tại nước ngoài tuyên bá, lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam tại các quốc gia sinh sống và các quốc gia khác trên thế giới.									
10.0	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, nâng cao năng lực thực hiện Chương trình, truyền thông, tuyên truyền về Chương trình	4.0	4.0	0.0	4.0					
	10.1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình	3.0	3.0		3.0					

[illegible]